



**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

QUY TẮC XUẤT XỨ VÀ THỦ TỤC CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ TRONG EVFTA



PHÒNG QUẢN LÝ XNK KV TP HỒ CHÍ MINH



**CÁC FTA VIỆT NAM
THAM GIA**

**Đã phê chuẩn
Đang thực thi
13 FTA**



- ATIGA
- ASEAN-China
- ASEAN-Japan
- ASEAN-Korea
- ASEAN-Australia-New Zealand
- ASEAN - India

RCEP

**Kết thúc đàm phán
Ấn Độ rút khỏi RCEP**

VN - IL

VN - EFTA

Đang đàm phán

- Viet Nam - Japan
- Viet Nam - Chile
- Viet Nam - Korea
- Viet Nam -Eurasian
Economic Union
EAVFTA
- CPTPP**
- ASEAN- HongKong
- Viet Nam – EU
EVFTA



**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**Thành viên
28 quốc gia EU-VN**

**Bắt đầu đàm phán
06/2012**

Ký kết 30/06/2019

**Nghị viện EU phê chuẩn
12/02/2020**



**Quốc hội phê chuẩn
08/06/2020**

HIỆU LỰC

+ Hiệp định EVFTA tại
Việt Nam: ngày 01/08/2020
+ Thông tư 11/2020/TT-BCT:
ngày 15/06/2020
có hiệu lực : 01/08/2020

***Áp dụng đồng thời các văn
bản khác:***

+ NĐ 31/2018/NĐ-CP;
+ Thông tư 05/2018/TT-BCT



PHẦN I. QUY TẮC XUẤT XỬ TRONG EVFTA

QUY TẮC XUẤT XỬ

Xuất xứ thuần túy WO



**Xuất xứ
không thuần túy**

**Quy tắc cụ thể
mặt hàng PSR**

VL%; X%

**CTC;
Ko đổi HS**

**SP;
Kết hợp**

NL WO



Cấu trúc danh mục công đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ trong PSR

HS ở cấp Chương, Nhóm, Phân nhóm

Mô tả hàng hóa

Tiêu chí xuất xứ

Phụ lục II **QUY TẮC CỤ THỂ MẶT HÀNG**

(ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA)

Nhóm HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến
(1)	(2)	(3)
Chương 1	Động vật sống.	Xuất xứ thuần túy.
Chương 2	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ.	Nguyên liệu thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ có xuất xứ thuần túy.
5106 đến 5110	sợi len lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô từ lông đuôi hoặc bờm ngựa; và	Kéo từ xơ tự nhiên hoặc đùn thành xơ nhân tạo kèm theo công đoạn kéo sợi. ³



Cấu trúc danh mục công đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ trong PSR

Tiền tố “ex”		
ex Chương 15	Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật, ngoại trừ:	Sử dụng nguyên liệu từ bất kỳ Phân nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ Phân nhóm của sản phẩm.
1509 và 1510	dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu;	Nguyên liệu thực vật có xuất xứ thuần túy.
ex 4418	– ván ghép và đồ mộc dùng trong xây dựng;	Sử dụng nguyên liệu từ bất kỳ Nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ Nhóm của sản phẩm. Tuy nhiên, được phép sử dụng panen có lõi xốp và ván lợp.
	– ván gỗ tạo gân và gờ dạng chuỗi hạt; và	Tạo gân hoặc tạo gờ dạng chuỗi hạt.

Trường hợp cột (1) có tiền tố “ex” trước mã số HS, TCXX tại cột (3) chỉ áp dụng đối với HH như mô tả tại cột (2), không áp dụng đối với toàn bộ HH thuộc HS đó.



Một số quy định chung về QTXX trong EVFTA

1. Nguyên liệu được thể hiện trong PSR là nguyên liệu KHÔNG CÓ XUẤT XỨ (nếu không nói cụ thể) .

2. Tiêu chí công đoạn gia công hoặc chế biến tối thiểu:

- Bằng hoặc nhiều hơn : Đáp ứng TCXX
- Ít hơn : Không đáp ứng TCXX

3. - Trị giá giới hạn để tính toán là Giá xuất xưởng (EXW)

- Trọng lượng giới hạn là Trọng lượng tịnh (NW)



XUẤT XỨ THUẦN TÚY WO

STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
1	Khoáng sản	Khai thác từ lòng đất / đáy biển	Lãnh thổ của nước TV	
2	Cây trồng/ SP cây trồng	Trồng / thu hoạch		
3	Động vật sống/ Sản phẩm	Sinh ra và nuôi dưỡng Thu được từ động vật sống tại nước TV		
4	Sản phẩm	Giết mổ động vật sống được sinh ra, nuôi dưỡng		
5	Sản phẩm	Có được		săn, bắt, bẫy
6	Nuôi trồng thủy sản	Sinh ra hoặc nuôi dưỡng	Lãnh thổ/ Lãnh hải của nước TV	từ trứng, cá bột, cá nhỏ, ấu trùng



XUẤT XỨ THUẦN TÚY WO

STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
7	Sản phẩm từ biển	Đánh bắt Chế biến / sản xuất 	Trong/ Ngoài vùng lãnh hải/ Trên tàu 	-Tàu đăng kí + treo cờ Quốc gia - 50% sở hữu của cá nhân, pháp nhân của nước TV
8	Sản phẩm được khai từ đáy biển/dưới đáy biển		Vùng đặc quyền KT	
9	Hàng đã qua SD để tái chế nguyên liệu thô. Phế thải, phế liệu trong Qtrình SX, tiêu dùng;	Được thu nhặt tại nước TV	Lãnh thổ của nước TV	
10	Sản phẩm	Thu được/ sản xuất		Từ SP 1- 9



TIÊU CHÍ XUẤT XỨ TRONG PSR

5810	hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu hoa văn.	Trị giá nguyên liệu được sử dụng không vượt quá 50% giá xuất xưởng của sản phẩm.
------	--	--



Tiêu chí 1:VL (%); X (%)

Chương 8	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa.	- Nguyên liệu là các loại quả, quả hạch và vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa thuộc Chương 8 có xuất xứ thuần túy; và - Trọng lượng đường không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm.
----------	--	--





TIÊU CHÍ XUẤT XỨ TRONG PSR



ex Chương 17	Đường và các loại kẹo đường; ngoại trừ:	Sử dụng nguyên liệu từ bất kỳ nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ nhóm của sản phẩm.
--------------	---	--

Tiêu chí 2: Chuyển đổi HS (CTC) hoặc Không chuyển đổi HS

9614	tẩu thuốc (kể cả điều bát) và đốt xì gà hoặc đốt thuốc lá, và bộ phận của chúng.	Sử dụng nguyên liệu từ bất kỳ nhóm nào để sản xuất.
------	--	---





TIÊU CHÍ XUẤT XỨ TRONG PSR

Tiêu chí xuất xứ quy định việc sử dụng nguyên liệu cụ thể
nghĩa là không ngăn cản việc sử dụng các nguyên liệu khác mà do bản chất vốn có của các nguyên liệu này không thể đáp ứng được quy tắc xuất xứ đó.

Tiêu chí 3: Công đoạn gia công hoặc chế biến cụ thể (SP)

7208 7214	đến	các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, dạng thanh và que;	Sản xuất từ nguyên liệu dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác hoặc bán thành phẩm thuộc nhóm 7206 hoặc nhóm 7207.
--------------	-----	---	--

Sản phẩm nhóm 7210 đã được sơn hoặc tráng phủ nhựa.

Như vậy, tiêu chí xuất xứ này cho phép sử dụng sơn và véc ni (nhóm 3208) hoặc nhựa (Chương 39) không có xuất xứ.



TIÊU CHÍ XUẤT XỨ TRONG PSR

Tiêu chí 4

Công đoạn gia công *hoặc* chế biến từ NL có xuất xứ thuần túy nhất định (NL WO).

Chương 10	Ngũ cốc.	Nguyên liệu thuộc Chương 10 có xuất xứ thuần túy.
Chương 11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì.	Nguyên liệu thuộc Chương 10 và Chương 11, các nhóm 0701, 071410 và 2303, và phân nhóm 071010 có xuất xứ thuần túy.





CỘNG GỘP TRONG EVFTA (Accumulation ACU) Đầy đủ

Hàng hóa được coi là có xuất xứ tại Nước thành viên xuất khẩu khi được sản xuất từ nguyên liệu có xuất xứ tại Nước thành viên khác với điều kiện công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại Nước thành viên xuất khẩu vượt quá công đoạn công đoạn gia công chế biến đơn giản.





CỘNG GỘP TRONG EVFTA (Accumulation ACU) Đầy đủ + mở rộng

HS	<u>Mô tả hàng hóa</u>
030741	<u>Mực nang và mực ống sống, tươi hoặc ướp lạnh</u>
030751	<u>Bạch tuộc sống, tươi hoặc ướp lạnh</u>
HS	
160554	<u>Mực nang và mực ống đã chế biến hoặc bảo quản</u>
160555	<u>Bạch tuộc đã chế biến hoặc bảo quản</u>

Chưa
thực thi:
Nguyên
liệu thuộc
các HS
bên có XX
của
Singapore
thì cũng
được coi
là có XX
của
Việt Nam



CỘNG GỘP TRONG EVFTA Đầy đủ + mở rộng



HS	<u>Mô tả</u>
<u>Chương 61</u>	<u>Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc</u>
<u>Chương 62</u>	<u>Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc</u>



* Vải nguyên liệu có XX của Hàn Quốc thì cũng được coi là có XX của Việt Nam /EU.

** Vải phải đáp ứng tiêu chí của EKFTA.

***Trên C/O ghi rõ: "Application of Article 3(7) of Protocol 1 to the Viet Nam - EU FTA".

**Chưa
thực
thi**



DE MINIMIS TRONG EVFTA

Áp dụng với giá trị EXW

10% với các chương
(trừ Chương 50 – 63 áp dụng quy định riêng)

Áp dụng với trọng lượng NW

**10% với các Chương 2,
Chương 4 – Chương 24**
(trừ chương 16)



DE MINIMIS TRONG EVFTA

DMI : Áp dụng cho tiêu chí “ Nguyên liệu có xuất xứ thuần túy”

Ví dụ 1:

Hàng hóa có tiêu chí : «Nguyên liệu ... có tiêu chí xuất xứ thuần túy » thì DMI cho phép tối đa 10% trị giá nguyên liệu không có xuất xứ.

0304

phi-lê cá và các loại
thịt cá khác (đã hoặc
chưa xay, nghiền,
băm), tươi, ướp lạnh
hoặc đông lạnh;

Nguyên liệu thuộc Chương 3 có xuất xứ
thuần túy.



DMI cho phép 10% trị giá cá nguyên
liệu không có xuất xứ.



Quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may Chương 50 - 63 trong EVFTA

QUY TẮC HAI CÔNG ĐOẠN TỪ VẢI TRỞ ĐI



Dệt

Cắt may

Chương 61

Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc:

- thu được bằng việc may hoặc ghép nối hai hoặc nhiều hơn mảnh vải dệt kim hoặc móc đã được cắt tạo hình hoặc thu được trực tiếp để tạo hình.



Dệt kim và may (bao gồm cả công đoạn cắt) ^(3, 5)



Quy tắc XX đối với hàng dệt may Chương 50 - 63

QUY TẮC HAI CÔNG ĐOẠN TỪ VẢI TRỞ ĐI

 ex Chương 62 Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc; ngoại trừ:	Dệt vải rồi may (bao gồm cả công đoạn cắt); hoặc Đã may trước bằng công đoạn in kèm theo ít nhất hai công đoạn chuẩn bị hoặc hoàn thiện sản phẩm (như giặt, tẩy trắng, làm bóng, định hình bằng nhiệt, cào bông, cán vải, công đoạn chống co ngót, hoàn thiện không phục hồi, hấp xấp vải, ngâm tẩm, vá sửa và kiểm tra phân loại), với điều kiện trị giá của vải chưa in được sử dụng không vượt quá 47,5 % giá xuất xưởng của sản phẩm.^{3,5}
---	---

Một số phẩm thuộc Chương 62 được phép sử dụng vải mộc không xuất xứ và vải mộc phải trải qua công đoạn hoàn thiện.

- 3 Đối với các điều kiện đặc biệt liên quan đến các sản phẩm được sản xuất từ nhiều nguyên liệu dệt may, xem quy định tại Điều 6, Phụ lục I của Thông tư này
- 4 Việc sử dụng nguyên liệu này bị giới hạn trong quá trình sản xuất các loại vải dệt thoi được dùng trong máy làm giấy.
- 5 Xem quy định tại Điều 7, Phụ lục I của Thông tư này.



QUY ĐỊNH VỀ HÀNG NÔNG NGHIỆP

**Tỷ lệ giới hạn về trọng lượng của HH thuộc các
Chương 1- Chương 24 áp dụng cho NL không có xuất xứ**

**1. Trọng lượng của các
nguyên liệu thuộc
Chương/ Nhóm**

Xét cộng dồn tổng trọng
lượng (NW) các NL đơn lẻ.
Ko xét giới hạn trọng
lượng của từng NL đơn lẻ.

**2. Trọng lượng
đơn lẻ của từng
nguyên liệu thuộc
Chương/ Nhóm.**

Chỉ xét trọng lượng
của từng NL đơn lẻ.
Ko xét tổng trọng
lượng các NL.

**3. Tổng trọng lượng kết
hợp của đường và nguyên
liệu từ Chương 4 không
vượt quá x % của trọng
lượng SP cuối cùng**

- Xét cả tổng trọng lượng của đường và NL Chương 4.
- Xét trọng lượng đơn lẻ của đường và từng NL Chương 4.

3 tiêu chí này thường kết hợp với tiêu chí thay đổi nhóm



BỘ HÀNG HÓA

Điều 13. Bộ hàng hóa

Theo Quy tắc 3 của Hệ thống hài hòa, bộ hàng hóa được coi là có xuất xứ khi tất cả các sản phẩm thành phần có xuất xứ.

Trường hợp bộ hàng hóa bao gồm sản phẩm có xuất xứ và không có xuất xứ, bộ hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu trị giá của sản phẩm không có xuất xứ không vượt quá **15%** giá xuất xưởng của bộ hàng hóa đó.

9605

bộ đồ du lịch dùng
cho vệ sinh cá nhân,
bộ đồ khâu hoặc bộ
đồ làm sạch giày
dép hoặc quần áo;

Mỗi sản phẩm trong bộ phải
thoả mãn quy tắc xuất xứ áp
dụng cho từng sản phẩm
đơn lẻ. Tuy nhiên, các sản
phẩm không có xuất xứ có
thể được sử dụng trong bộ,
với điều kiện tổng trị giá của
các sản phẩm đó không
vượt quá 15% giá xuất
xưởng của bộ sản phẩm.





Điều 16. Nguyên tắc lãnh thổ (Vận chuyển trực tiếp)



1

HH phải được thực hiện hoàn toàn tại một Nước TV và không gián đoạn

2

Trong trường hợp HH có XK từ một Nước TV, sau đó tái NK từ một nước không phải TV, HH được coi là có XK khi:

2

a) Hàng hóa tái nhập chính là hàng hóa được XK đi.

b) HH tái nhập không trải qua công đoạn vượt quá công đoạn cần thiết để bảo quản trong quá trình lưu kho ở nước không phải TV hoặc trong quá trình XK.



Chia nhỏ lô hàng tại nước thứ 3

Ví dụ:

**Lô hàng giày xuất khẩu từ VN,
đưa sang kho NQ tại Đức:**

- Noel: đưa $\frac{1}{3}$ lô vào Đức
- Tết Tây: đưa $\frac{1}{3}$ lô vào Pháp
- Tết Ta: đưa $\frac{1}{3}$ lô sang Nga

*Lô hàng được chia nhỏ có đáp
ứng Nguyên tắc lãnh thổ (Vận
chuyển trực tiếp) ???*





PHẦN II

THỦ TỤC CẤP C/O TRONG EVFTA





Cơ chế CNXX trong EVFTA



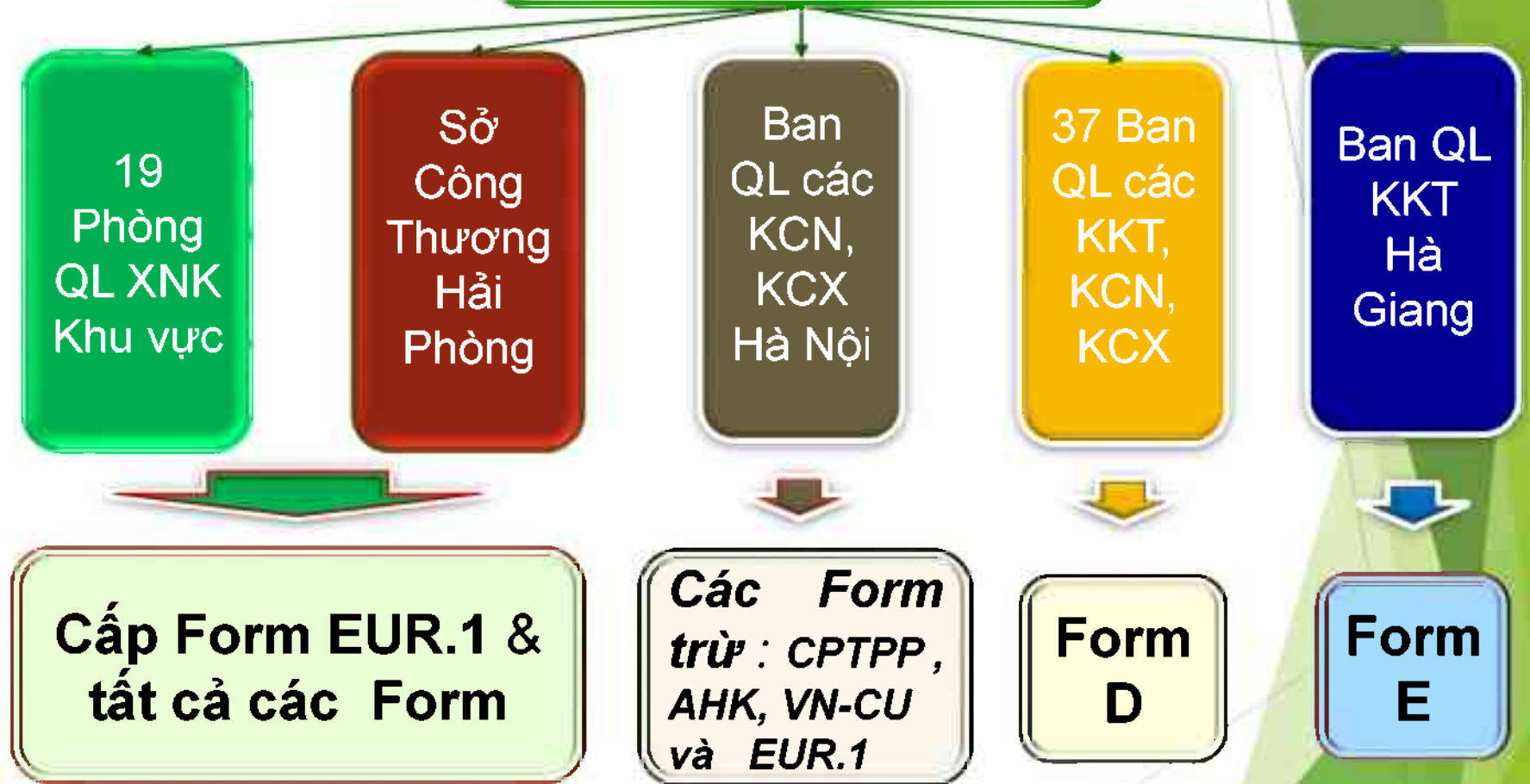
Lời văn tự CNXX theo mẫu được thể hiện trên:
Hóa đơn, Phiếu giao hàng
hoặc Chứng từ TM (hoặc
1 trang riêng của CTTM).



- Hạn mức Tự CNXX trong EVFTA: tối đa 6.000 Euro.
- Chưa áp dụng Mã số Tự CNXX cho DN



TỔ CHỨC CẤP C/O



EUR.1: Việt Nam đăng ký và cập nhật các mẫu con dấu.



C/O có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành

EVFTA
Cấp sau

EUR.1 , Tự CNXX:
Không muộn hơn 2 năm.

EUR.1 : Sau 3 ngày làm việc

Cấp
sau

Cách
thể
hiện

Issued
Retrospectively

Issued
Retroactively

EUR.1

Các Form
khác



EUR.1 : Cấp lại

In/ đóng dấu
DUPLICATE

This C/O replaces the C/O
No ... Dated ...
Khi chưa trả lại C/O đã cấp tại
thời điểm cấp

C/O cấp lại thể hiện ngày cấp của C/O bản gốc và có hiệu lực tính từ ngày cấp C/O bản gốc.



TỜ KHAI BỔ SUNG C/O



Trên mẫu in sẵn
EUR.1

BẢN SAO C/O



Đóng dấu COPY



Lưu trữ hồ sơ

3 năm
EUR.1

EVFTA

3 năm
Tự CNXX



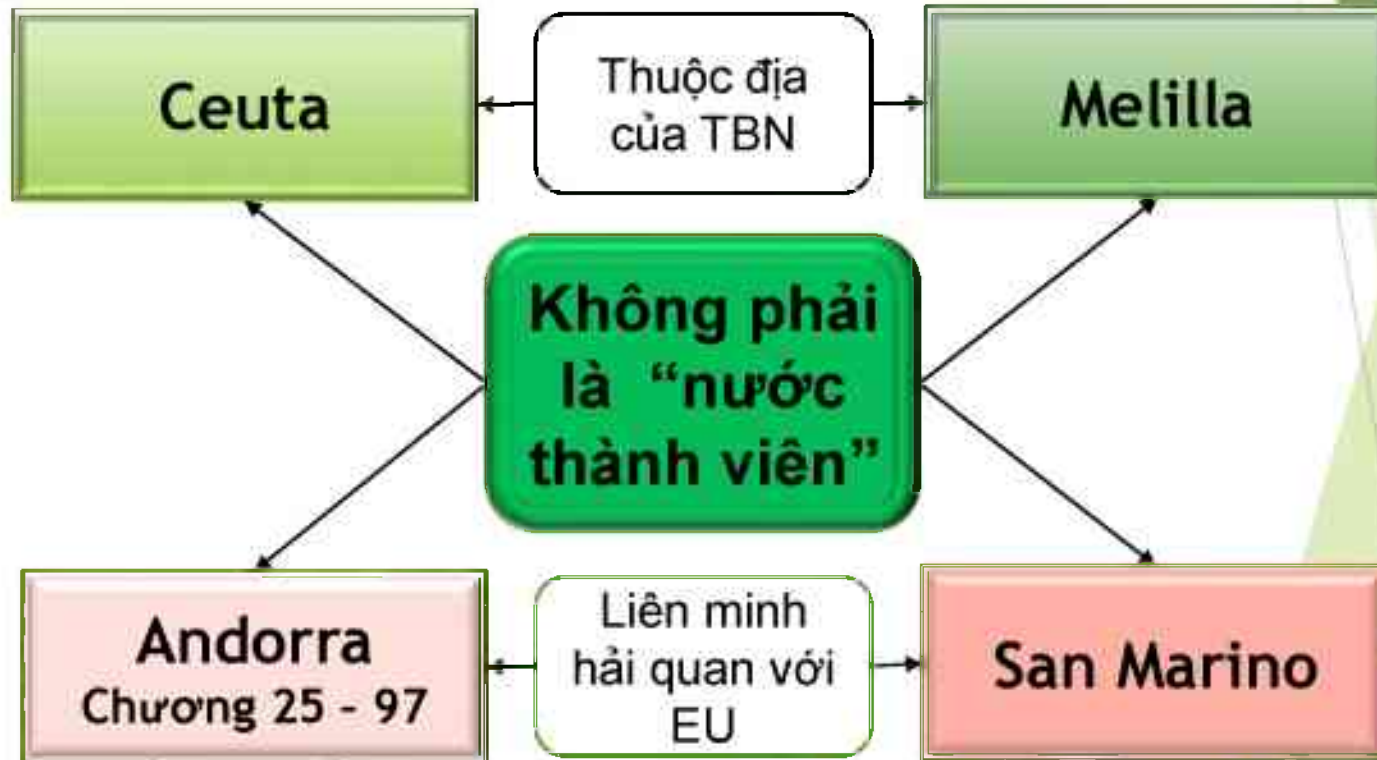
Ngưỡng miễn nộp C/O

- + **EUR.1 :** 500 - 1200 Euro (VN vào EU)
200 USD (EU vào VN)
- + Các FTA Việt Nam/ ASEAN tham gia: 200\$
- + VKFTA : 600\$
- + CPTPP: 1,000\$



ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT

Hàng hóa có xuất xứ từ các quốc gia & vùng lãnh thổ này (riêng HH của Andorra có HS từ Chương 25-97) được coi là có xuất xứ của EU khi xuất vào VN.



Hàng hóa có xuất xứ từ VN xuất vào các quốc gia & vùng lãnh thổ này được hưởng quy chế như xuất vào EU.



**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Xuất xứ hàng hóa

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024. 22205444

eMail:co@moit.gov.vn

Phòng QL XNK khu vực TP Hồ Chí Minh

12 Nguyễn Thị Minh Khai, p.Đa Kao, quận 1, TP HCM

ĐT: 028.39151432/6/8

eMail:xnktphochiminh@moit.gov.vn

TRẦN NGỌC BÌNH

Xin cảm ơn !